

THÔNG BÁO

**Tuyển sinh trình độ Thạc sĩ ngành Dược liệu - Dược học cổ truyền
năm 2025**

Kính gửi:

- Các Trường Đại học Y - Dược, Học viện, Viện;
- Các Sở Y tế, Bệnh viện, Trung tâm y tế, Phòng Y tế;
- Các Đơn vị Y tế thuộc lực lượng vũ trang;
- Hội Đông y các tỉnh/ thành phố;
- Các công ty, nhà máy, doanh nghiệp, tổ chức dược phẩm.

Căn cứ Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết 481/NQ-HĐTHVYDHCTVN ngày 24/06/2021 của Hội đồng trường Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chủ tịch Hội đồng trường Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam.

Căn cứ Thông báo số 03/2022/TT- BGD-ĐT quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục mầm non.

Căn cứ Thông tư 23/2021/TT-GDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ Giáo Dục và đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1320/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 05 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo về việc cho phép Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam đào tạo ngành Dược liệu - Dược học cổ truyền trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 40/2015/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 3 năm 2015 giữa Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí dự thi, dự tuyển (lệ phí tuyển sinh);

I. DỰ KIẾN CHỈ TIÊU TUYỂN SINH:

TT	Trình độ	Ngành	Chỉ tiêu	Thi tuyển	Xét tuyển
1	Thạc sĩ định hướng nghiên cứu	Dược liệu - Dược học cổ truyền	30	0	30
2	Thạc sĩ định hướng ứng dụng	Dược liệu - Dược học cổ truyền	30	30	0

II. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH, ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN, HỒ SƠ DỰ TUYỂN VÀ CÁC MÔN THI TUYỂN, XÉT TUYỂN CỦA CÁC TRÌNH ĐỘ SAU ĐẠI HỌC

2.1. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

a) **Điều kiện về văn bằng:** Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học ngành đúng phù hợp với trình độ đào tạo thạc sĩ Dược liệu - Dược học cổ truyền; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu.

b) **Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ:** Người dự tuyển phải có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định (Phụ lục 1) hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ thứ hai theo quy định (nếu có).

c) **Điều kiện về sức khỏe:** Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định.

d) **Lý lịch bản thân** rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

e) Có công văn cử đi dự thi của cơ quan quản lý trực tiếp có xác nhận đang công tác trong chuyên ngành dự thi (đối với thí sinh đang công tác tại cơ quan, đơn vị).

f) **Điều kiện hồ sơ:** Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Học viện

2.2 Phương thức tuyển sinh

2.2.1.Thi tuyển

- Áp dụng đối với thí sinh đăng ký tuyển sinh chương trình Thạc sĩ Dược liệu - Dược học cổ truyền định hướng ứng dụng.

2.2.2. Xét tuyển

- Áp dụng đối với thí sinh đăng ký tuyển sinh chương trình Thạc sĩ Dược liệu - Dược học cổ truyền định hướng nghiên cứu.

2.3. Hình thức đào tạo: chính quy

Hệ tập trung: 1,5 năm - 02 năm

2.4. Các môn thi tuyển, xét tuyển

2.4.1. Thi tuyển sinh gồm 2 môn:

1. Môn: Hóa phân tích (Tự luận), (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh SĐH HVYDCTVN năm 2025 quyết định)

2. Môn chuyên ngành: Dược liệu - Dược học cổ truyền (Tự luận), (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh SĐH HVYDCTVN năm 2025 quyết định)

2.4.2. Xét tuyển:

1. Phần 1: Đánh giá hồ sơ ứng viên (Phụ lục 2)

2. Đánh giá đề cương nghiên cứu và năng lực của ứng viên (Phụ lục 2)

2.5. Hồ sơ đăng ký dự thi gồm

1. Đơn đăng ký dự thi (theo mẫu có trong hồ sơ dự thi).

2. Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự hoặc chính quyền địa phương (bản chính);

3. Bản sao giấy khai sinh

4. Giấy chứng nhận sức khỏe của cơ sở y tế có thẩm quyền còn hiệu lực trong thời gian 06 tháng (bản chính) theo mẫu ban hành kèm theo thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ trưởng Bộ y tế.;

5. 04 ảnh 3x4, nền trắng, chụp không quá 03 tháng (ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh mặt sau ảnh, ảnh để trong phong bì).

6. Bằng tốt nghiệp và bằng điểm đại học (bản sao công chứng hợp lệ)

7. Đối với ứng viên tốt nghiệp đại học nước ngoài:

- Bằng tốt nghiệp đại học và Bằng học vị (nếu có) (bản sao công chứng hợp lệ).

- Công nhận văn bằng của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo (bản sao công chứng hợp lệ).

8. Văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định, còn hiệu lực trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự thi (bản sao công chứng hợp lệ).

9. Công văn cử đi dự thi (bản chính) của cơ quan trực tiếp quản lý thí sinh (nếu có)

10. Đề cương nghiên cứu (đối với trường hợp đăng ký xét tuyển)

11. Minh chứng các công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu

12. Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).

2.6. Điều kiện trúng tuyển

Chỉ tiêu chương trình thạc sĩ Dược liệu – Dược học cổ truyền định hướng nghiên cứu nếu xét trúng tuyển chưa hết chỉ tiêu sẽ được chuyển sang chương trình thạc sĩ Dược liệu – Dược học cổ truyền định hướng ứng dụng hoặc ngược lại.

2.6.1. Thi tuyển chương trình Thạc sĩ Dược liệu - Dược học cổ truyền định hướng ứng dụng

- Căn cứ kết quả thi xếp thứ tự điểm với điều kiện điểm đạt các môn thi từ 5.0 trở lên, tổng điểm trúng tuyển sau khi cộng điểm ưu tiên (nếu có) đến hết chỉ tiêu và đạt điều kiện trình độ ngoại ngữ theo yêu cầu.

- Trường hợp ứng viên có điểm bằng nhau cùng đợt xét tuyển, xác định người trúng tuyển theo thứ tự: 1. Điểm tổng kết trung bình toàn khóa trong chương trình đào tạo đại học; 2. Nữ

2.6.2. Xét tuyển chương trình Thạc sĩ Dược liệu - Dược học cổ truyền định hướng nghiên cứu

- Phần 1: Hồ sơ đạt yêu cầu quy định tại mục 2.1

- Phần 2: Tổng điểm phải đạt từ 7.0 điểm/10 điểm trở lên

- Căn cứ kết quả xét tuyển xếp theo thứ tự đến hết chỉ tiêu

- Trường hợp ứng viên có điểm bằng nhau cùng đợt xét tuyển, xác định người trúng tuyển theo thứ tự: 1. Điểm tổng kết trung bình toàn khóa trong chương trình đào tạo đại học cao hơn; 2. Điểm bài báo và thành tích tham gia nghiên cứu khoa học cao hơn; 3. Các đối tượng ưu tiên; 4. Nữ

III. ĐỐI TƯỢNG VÀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

3.1. Đối tượng ưu tiên

a) Người có thời gian công tác 02 năm liên tục trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh

phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

b) Thương binh, người có Giấy chứng nhận được hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a, Khoản này.

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

3.2. Mức ưu tiên:

Ứng viên thuộc đối tượng ưu tiên được cộng mười điểm (10 điểm) vào kết quả thi cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện miễn thi môn ngoại ngữ theo quy định và cộng một điểm (1 điểm) vào kết quả thi cho một trong hai môn thi (thang điểm 10).

Ghi chú:

- Các thí sinh thuộc diện ưu tiên đề nghị nộp giấy xác nhận ưu tiên của cơ quan có thẩm quyền khi nộp hồ sơ (không giải quyết trường hợp bổ sung giấy ưu tiên sau khi đã nộp hồ sơ).

- Mỗi thí sinh chỉ được hưởng một diện ưu tiên, thí sinh không đăng ký ưu tiên khi nộp hồ sơ dự thi sẽ không được Hội đồng thi xét duyệt ưu tiên.

- Khu vực ưu tiên căn cứ theo khu vực tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2025

VI. THỜI GIAN – ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH VÀ NHẬN HỒ SƠ

4.1. Thời gian phát hành hồ sơ: dự kiến từ ngày 19/08/2025.

4.2. Thời gian nhận hồ sơ: dự kiến từ 8h00 ngày 19/ 08/ 2025 đến 16h30 ngày 30/ 9/ 2025.

4.3. Hình thức nhận hồ sơ:

- Bước 1: Đăng ký trực tuyến theo đường link: <https://saudaihoc.vuttm.edu.vn/>
Hướng dẫn đăng ký trực tuyến (theo hướng dẫn đính kèm).

- Bước 2:

+ Nộp trực tiếp Hồ sơ dự thi tuyển (theo mẫu đính kèm theo đường link <http://vuttm.edu.vn/>) tại Phòng Đào tạo Sau đại học - Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

+ Hoặc Gửi bưu điện đến địa chỉ Phòng Đào tạo Sau đại học - Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam - Số 2 - Trần Phú, Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội.

V. KINH PHÍ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

- Phí đăng ký dự tuyển: 60.000đ/hồ sơ.
- Lệ phí thi tuyển và xét tuyển: 120.000 đồng /01 môn thi đối với thí sinh dự thi.
- Mức học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác cho lộ trình từng năm học, cả khóa học theo quy định Ban hành mức thu học phí của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

Ghi chú:

- Phí đăng ký dự thi, phí dự thi nộp tại Phòng Tài chính Kế toán theo quy định của Nhà nước và Học viện (các khoản này nộp 01 lần cùng với hồ sơ đăng ký thi tuyển).
- Thí sinh không đủ tiêu chuẩn dự tuyển không được hoàn trả hồ sơ và lệ phí tuyển sinh.
- Nhận giấy báo thi: Dự kiến ngày 13/ 10/ 2025.
- Địa điểm phát hành và nhận hồ sơ: Phòng Đào tạo sau đại học - Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam - Phòng 212 - Tầng 2 nhà 11 tầng.

VI. ÔN THI

- Ôn thi: Tổ chức ôn thi các môn cơ sở, chuyên ngành cho các đối tượng dự thi.
- Thời gian bắt đầu ôn thi, hướng dẫn: Dự kiến từ ngày 06/ 10/2025
(*Kế hoạch ôn thi, hướng dẫn cụ thể nhận tại Phòng Đào tạo sau đại học hoặc xem trên website của Học viện*).

VII. THỜI GIAN - ĐỊA ĐIỂM THI, XÉT TUYỂN

- Ngày thi dự kiến: dự kiến ngày 01, 02/11/2025.
- Ngày xét tuyển dự kiến: dự kiến ngày 10 đến 14/11/2025.
- Thí sinh xem giờ thi và phòng thi cụ thể tại Phòng Đào tạo Sau đại học.
- Địa điểm thi: Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

Thông tin chi tiết tuyển sinh Sau đại học đợt 2 năm 2025 xin liên hệ với Phòng Đào tạo sau đại học. ĐT: 0433 540 277 hoặc DD: 0969530077 hoặc xem trên website: <https://www.vutm.edu.vn>.

Thí sinh tự túc ăn ở trong thời gian ôn thi và thi tại Học viện

- Công bố kết quả thi: dự kiến đợt 2 trước 28/11/ 2025
- Dự kiến nhập học: dự kiến đợt 2: 12/2025

Nhận được thông báo này, trân trọng đề nghị Quý cơ quan thông báo nội dung tuyển sinh Sau đại học đợt 2 năm 2025 của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam cho các đơn vị trực thuộc để cán bộ có đủ điều kiện và nguyện vọng thi tuyển làm các thủ tục cần thiết dự thi theo đúng kế hoạch./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục KHCN&ĐT Bộ Y tế (để b/c);
- Vụ GDĐH Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Các Phòng ban (để phối hợp th/h);
- Website Học viện;
- Lưu: VT, SĐH.



Nguyễn Quốc Huy

PHỤ LỤC 1

**BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ VĂN BẰNG HOẶC CHỨNG CHỈ
NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 VÀ BẬC 4**

KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/Văn bằng	Trình độ/thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30 -45	46 - 93
		TOEFL ITP	450 - 499	
		IELTS	4.0 – 5.0	5.5 – 6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/Linguaskill. Thang điểm: 140 -159	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill. Thang điểm 160 - 179
		TOEIC (4 KỸ NĂNG)	Nghe: 275 – 399 Đọc: 275 – 384 Nói: 120 – 159 Viết: 120 - 149	Nghe: 400 - 489 Đọc: 385 - 454 Nói: 160 - 179 Viết: 150 - 179
		Aptis ESOL	B1	B2
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance francaise diplomas	TCF: 300 – 399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400 - 499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe Institut	Goethe – Zertifikat B1	Goethe – Zertifikat B2
		The German TestDaF Language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK bậc 3	HSK bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga			

PHỤ LỤC 2

TIÊU CHÍ XÉT TUYỂN THẠC SĨ NGÀNH DƯỢC LIỆU - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU NĂM 2025

Xét tuyển: gồm 2 phần

Phần 1: Đánh giá hồ sơ dự tuyển

TT	Nội dung xét					Hồ sơ hiện có (đánh dấu ô thích hợp)	Đánh giá đạt
	Kết quả học tập	Đại học	Trung bình học tập	Ngành đúng	Xuất sắc		
					Giỏi		
					Khá		
					TB/TBK		
	Năng lực ngoại ngữ	Có năng lực ngoại ngữ Bậc 6/6/ trở lên theo KNLNN 6 bậc dung cho VN hoặc tương đương					
		Có năng lực ngoại ngữ Bậc 5/6/ trở lên theo KNLNN 6 bậc dung cho VN hoặc tương đương					
		Có năng lực ngoại ngữ Bậc 4/6/ trở lên theo KNLNN 6 bậc dung cho VN hoặc tương đương					
		Có năng lực ngoại ngữ Bậc 3/6/ trở lên theo KNLNN 6 bậc dung cho VN hoặc tương đương					
	Kinh nghiệm công tác	Từ 24 tháng trở lên công tác trong ngành/chuyên ngành					
		Từ 12 đến dưới 24 tháng công tác trong ngành/chuyên ngành					

	chuyên môn	Từ 6 đến dưới 12 tháng công tác trong ngành/chuyên ngành			
		Mới tốt nghiệp đại học, công tác ít hơn 6 tháng			
	Nghiên cứu khoa học liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu trong vòng 36 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ (đối với trường hợp bằng tốt nghiệp đại học đạt mức trung bình	Các bài báo đã công bố	Tạp chí thuộc danh mục Web of Science/Scopus/ISI		
			Tạp chí chuyên ngành trong nước được HĐCDGSNN tính điểm		
			Tạp chí khoa học khác		
		Tham gia công trình nghiên cứu (đã nghiệm thu)	Đề tài cấp nhà nước/ bộ/ thành phố (Số đề tài x thang điểm)		
			Đề tài cấp cơ sở (Số đề tài x thang điểm)		
		Thành tích nghiên cứu khoa học khác			

Phần 2. Đánh giá đề cương nghiên cứu và năng lực của ứng viên: Tổng điểm tối thiểu từ 7.0 trở lên

2.1. Đánh giá nội dung đề cương nghiên cứu: tối đa 3 điểm, chấm lẻ đến 0,25

TT	Nội dung chấm	Thang điểm tối đa	Điểm đạt
1	Ý nghĩa khoa học và thực tiễn: Tính mới trong vấn đề nghiên cứu, hoặc giải quyết một vấn đề tồn tại cụ thể của thực tế ngành/chuyên ngành một cách khoa học và hợp lý	0,5	
2	Đặt vấn đề, mục tiêu nghiên cứu rõ ràng, khả thi	1,0	
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học, chặt chẽ	1,0	

4	Tính khả thi của đề tài (nguồn kinh phí hỗ trợ, cơ sở triển khai nghiên cứu, người hướng dẫn khoa học vv...)	0,5	
	Tổng điểm tối đa phần 2.1	3,0	

2.2. Đánh giá năng lực của ứng viên (Thông qua trình bày đề cương và trả lời câu hỏi):

Tối đa 7 điểm, chấm lẻ đến 0,25

TT	Nội dung chấm	Thang điểm tối đa	Điểm đạt
1	Năng lực của thí sinh: Nắm vững vấn đề trình bày, tự tin	1,0	
2	Slide báo cáo đúng quy định, trình bày lưu loát, thời gian trình bày không quá 10 phút (mỗi phút quá giờ trừ 0,25 điểm)	1,0	
3	Trả lời tốt câu hỏi của các thành viên trong hội đồng	5,0	
	Tổng điểm tối đa phần 2.2	7,0	

* Lưu ý: Người dự kiến hướng dẫn nếu tham gia Hội đồng xét tuyển không đặt câu hỏi và chấm điểm

PHỤ LỤC 3

BỘ Y TẾ

(chữ in hoa, thẳng, cỡ chữ 16, căn giữa)

HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

(chữ in hoa, in đậm, cỡ chữ 16, căn giữa)



(cỡ 3,0cm x 3,0cm)

HỌ VÀ TÊN THÍ SINH

(chữ in hoa, thẳng, in đậm, cỡ chữ 18, căn giữa)

TÊN ĐỀ TÀI

(chữ in hoa, thẳng, in đậm, cỡ chữ 24, căn giữa)

ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU

NGÀNH DƯỢC LIỆU - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN

(chữ in hoa, thẳng, in đậm, cỡ chữ 16, căn giữa)

HÀ NỘI – 202...

(chữ in hoa, thẳng, in đậm, cỡ chữ 16, căn giữa)

BỘ Y TẾ

(chữ in hoa, cỡ chữ 16, căn giữa)

HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

(chữ in hoa, thẳng, in đậm, cỡ chữ 16, căn giữa)

HỌ VÀ TÊN THÍ SINH

(chữ in hoa, thẳng, in đậm, cỡ chữ 18, căn giữa)

TÊN ĐỀ TÀI

(chữ in hoa, thẳng, in đậm, cỡ chữ 24, căn giữa)

ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU

NGÀNH DƯỢC LIỆU - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN

(chữ in hoa, thẳng, in đậm, cỡ chữ 16, căn giữa)

Người hướng dẫn khoa học:

(chữ in thường, nghiêng, đậm, cỡ chữ 14)

1. PGS.TS. Nguyễn Văn A

2. TS. Nguyễn Văn B

(chữ in thường, đậm, cỡ chữ 14)

HÀ NỘI – 202...

(chữ in hoa, thẳng, in đậm, cỡ chữ 16)

HƯỚNG DẪN

TRÌNH BÀY ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU

Kết cấu và hình thức của Đề cương Nghiên cứu

- Đề cương nghiên cứu cần phải được trình bày ngắn gọn, rõ ràng, mạch lạc, không được tẩy xóa, có đánh số trang, đánh số bảng biểu, hình vẽ, đồ thị.

- Đề cương nghiên cứu được trình bày trong khoảng 15 – 20 trang (không kể các trang bìa, mục lục, bảng chữ viết tắt, lời cam đoan, lời cảm ơn, phụ lục và tài liệu tham khảo) in một mặt, khổ giấy a4 (210 x 297mm) tùy theo đặc điểm của mỗi chuyên ngành. nghiên cứu sử dụng phông chữ times new romans, font unicode cỡ chữ 13pt; mật độ chữ bình thường, không được nén hoặc kéo giãn khoảng cách giữa các chữ; dẫn dòng đặt ở chế độ 1,5 dòng; lề trên 2cm; lề dưới 2cm; lề trái 3cm; lề phải 2cm. số trang được đánh ở giữa, phía cuối mỗi trang giấy.

- Đề cương nghiên cứu không phải đóng bìa cứng, được trình bày theo bộ cục kèm theo quy định này.

BỘ CỤC ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU

Trang bìa chính

Trang phụ bìa

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CÁC CHỮ VIẾT TẮT

DANH MỤC CÁC BẢNG

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ, SƠ ĐỒ, ĐỒ THỊ

ĐẶT VẤN ĐỀ

Khoảng 1 trang, nêu được tầm quan trọng, ý nghĩa thực tiễn, sự cần thiết thực hiện đề tài nghiên cứu và mục tiêu của nghiên cứu (không quá 2 mục tiêu).

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN (không đánh chữ số La Mã)

Chiếm khoảng 1/3 nghiên cứu, tổng quát hóa các vấn đề nghiên cứu liên quan tới đề tài.

1.1... (in đậm)

1.2....(in đậm)

CHƯƠNG 2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU (NGUYÊN LIỆU, THIẾT BỊ, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU)

A. Đối với đề tài thực nghiệm trình bày theo nội dung sau:

2.1. Nguyên vật liệu, thiết bị

2.1.1.... (in đậm và nghiêng)

2.2. Nội dung nghiên cứu

2.2.1... (in đậm và nghiêng)

2.3. Phương pháp thực hiện (Phương pháp nghiên cứu): ...

B. Đối với đề tài điều tra cắt ngang, hồi cứu số liệu....

2.1. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

2.1.1. Đối tượng nghiên cứu

2.1.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

2.2. Phương pháp thực hiện (phương pháp nghiên cứu..)

2.2.1. Thiết kế nghiên cứu

2.2.2. Phương pháp nghiên cứu, phương tiện nghiên cứu, các biến số, cỡ mẫu (nếu có), phương pháp tiến hành, tiêu chí/chỉ tiêu nghiên cứu...

2.2.3. Xử lý số liệu

2.2.4. Đạo đức trong nghiên cứu

CHƯƠNG 3. DỰ KIẾN THỰC NGHIỆM/ĐIỀU TRA, KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Gồm các nội dung chính sau:

Dự kiến kết quả thực nghiệm/điều tra: Từng thực nghiệm nên nêu lý do thực hiện, cách làm, bố cục hợp lý.

Nhận xét/ bàn luận: có thể trình bày cùng thực nghiệm hoặc thành mục bàn luận riêng.

DỰ KIẾN KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Viết ngắn gọn khoảng 1-2 trang, tóm lược những kết quả chính và những đóng góp mới của khóa luận đạt được so với mục tiêu đề ra và những kiến nghị, đề xuất. Không có lời bàn và bình luận thêm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tài liệu tham khảo được xếp theo thứ tự xuất hiện trong đề cương nghiên cứu. Các tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải giữ nguyên văn, không phiên âm, không dịch, kể cả tài liệu bằng tiếng Trung, tiếng Nhật ... (đối với những tài liệu bằng ngôn ngữ còn ít người biết có thể thêm phần dịch tiếng Việt đi kèm theo mỗi tài liệu).

2. Tài liệu tham khảo được viết theo họ tên tác giả theo thông lệ từng nước:

- Tác giả là người nước ngoài: viết họ trước.
- Tác giả là người Việt Nam: giữ nguyên thứ tự thông thường của tên người Việt, không đảo tên lên trước họ.
- Tài liệu không có tên tác giả thì xếp theo tên cơ quan ban hành báo cáo hay ấn phẩm, ví dụ: Tổng cục Thống kê xếp vào vần T, Bộ Giáo dục và Đào tạo xếp vào vần B, v.v...

Tài liệu tham khảo là **sách, luận án, báo cáo** phải ghi đầy đủ các thông tin sau:

- Tên các tác giả hoặc cơ quan ban hành (không có dấu ngăn cách);
- Năm xuất bản (đặt trong ngoặc đơn, dấu phẩy sau ngoặc đơn);
- Tên sách, luận án hoặc báo cáo (in nghiêng, dấu phẩy cuối tên);
- Nhà xuất bản (dấu phẩy cuối tên nhà xuất bản);
- Nơi xuất bản (dấu chấm kết thúc tài liệu tham khảo).

Tài liệu tham khảo là **bài báo trong tạp chí, bài trong một cuốn sách**

cần ghi đầy đủ các thông tin sau:

- Tên tác giả (không có dấu ngăn cách);
- Năm công bố (đặt trong ngoặc đơn, dấu phẩy sau ngoặc đơn);
- Tên bài báo (đặt trong ngoặc kép không in nghiêng, dấu phẩy cuối tên);
- Tên tạp chí hoặc tên sách (in nghiêng, dấu phẩy cuối tên);
- Tập (không có dấu ngăn cách);
- Số (đặt trong ngoặc đơn, dấu phẩy sau ngoặc đơn);
- Các số trang (gạch ngang giữa hai chữ số, dấu chấm kết thúc).

Cần chú ý những chi tiết về trình bày nêu trên. Nếu tài liệu dài hơn 1 trang thì nên trình bày sao cho từ dòng thứ hai lùi vào so với dòng thứ nhất 1 cm để phần tài liệu tham khảo được rõ ràng và dễ theo dõi ...

Ví dụ về cách trình bày tài liệu tham khảo:

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Ví dụ cách viết tài liệu Tiếng Việt

1. Trần Văn Bảo (2011), *Nghiên cứu sản xuất, chuẩn hóa chất lượng chế phẩm hồng cầu phenotype và bước đầu ứng dụng lâm sàng*, tr.32-37, Luận án Tiến sĩ dược học, Trường Đại học Dược Hà Nội, Hà Nội.
2. Bộ Y tế (2012), *Báo cáo tổng kết công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân năm 2011*, Hà Nội.
3. Nguyễn Hữu Đồng, Đào Thanh Bằng, Lâm Quang Dự (1997), *Đột biến - Cơ sở lý luận và ứng dụng*, tr.15-25, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.

Ví dụ cách viết tài liệu Tiếng Anh

28. Anderson, J.E. (1985), "The Relative Inefficiency of Quota, The Cheese Case", *American Economic Review*, 75(1), pp.178-190.
29. Borkakati R.P., Virmani S.S. (1997), "Genetics of thermosensitive genic male sterility in Rice", *Euphytica*, 88, pp.1-7.
30. Boulding K.E. (1955), *Economic Analysis*, Hamish Hamilton, London.
31. Burton G. W. (1988), "Cytoplasmic male-sterility in pearl millet (*pennisetum glaucum* L.)", *Agronomic Journal* 50, pp.230-231.
32. Central Statistical Organisation (1995), *Statistical Year Book*. Beijing.
33. FAO (1971), *Agriculture Commodity Projections (1970-1980)*, Vol.II. Rome.
- Institute of Economics (1988), *Analysis of Expenditure Pattern of Urban Households in Vietnam*, Department of Economics, Economics Research Report, Hanoi